SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN BỈNH KHIÊM

KIỂM TRA 1 TIẾT NĂM HỌC 2019 - 2020
MÔN GIẢI TÍCH 12 CHƯƠNG 2

MÃ ĐỀ 132

Câu 1: Bất phương trình: $\log(2x-3) > \log 9$ có nghiệm là:

A. $x > 5$ **B.** $x > 3$ **C.** $x > 6$ **D.** $2 < x < 3$

Câu 2: Cho số thực dương a, biểu thức $\left(\sqrt{a}.\sqrt[3]{a^2}.\sqrt[4]{a^3}\right)^{12}$ viết dưới dạng lũy thừa là:

A. a^{25} **B.** a^{21} **C.** a^{23} **D.** a^{36}

Câu 3: Cho hàm số $y = e^{\sin x}$. Khi đó biểu thức $y'' - \cos x.y' + \sin x.y$ có kết quả là:

A. 1 **B.** 0 **C.** 3 **D.** 2

Câu 4: Hàm số $y = (x-1)^e$ có tập xác định là:

A. $\mathbb{R}$ **B.** $\mathbb{R} \setminus \{1\}$ **C.** $(1;+\infty)$ **D.** $(-\infty;1)$

Câu 5: Số nghiệm nguyên của bất phương trình $2^x + 8.2^{-x} \le 9$ là:

A. 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 1

Câu 6: Giải phương trình $5^{\lg x} + x^{\lg 5} = 50$ được nghiệm x thỏa mãn:

A. x nguyên dương **B.** x nguyên âm **C.** x là số vô tỉ **D.** $x^2 = 25$

Câu 7: Tìm m để phương trình $\log^2 x + \log x - m = 0$ có hai nghiệm phân biệt thuộc khoảng $(0;1)$.

A. $m > 0$ **B.** $m \ge \frac{3}{4}$ **C.** $\frac{-1}{4} \le m < 0$ **D.** $\frac{-1}{4} < m < 0$

Câu 8: Cho $\log_2 14 = a$. Tính $\log_{49} 32$ theo a được kết quả là:

A. $\frac{5}{2(a-1)}$ **B.** $\frac{2}{(a-1)}$ **C.** $\frac{5}{(a-1)}$ **D.** $\frac{5}{2(a+1)}$

Câu 9: Cho $\log_3 5 = a;\ \log_2 5 = b$. Tính $\log_6 5$ theo a và b được kết quả là:

A. $\frac{a-b}{ab}$ **B.** $\frac{a+b}{ab}$ **C.** $\frac{ab}{a+b}$ **D.** $\frac{a-b}{a+b}$

Câu 10: Hàm số $y = (2x-1)^\pi$ có đạo hàm là:

A. $y' = \pi(2x-1)^{\pi-1}$ **B.** $y' = 2\pi(2x-1)^{\pi-1}$ **C.** $y' = 2(2x-1)^{\pi-1}$ **D.** $y' = 2\pi(2x-1)^\pi$

Câu 11: Tập nghiệm của bất phương trình $\ln(-x+7) \le \ln(x+3)$ là:

A. $[2;7)$ **B.** $(-\infty;2] \cup [2;+\infty)$ **C.** $(-\infty;2)$ **D.** $(2;+\infty)$

Câu 12: Cho biểu thức $\log_a 3 < \log_a e$ thì cơ số a phải thỏa mãn điều kiện nào?

A. $a > 0$ **B.** $a > 1$ **C.** $a \ge 1$ **D.** $0 < a < 1$

Câu 13: Đạo hàm của hàm số $y = \log_\pi x$, có kết quả là:

A. $y' = \frac{1}{x.\ln\pi}$ **B.** $y' = \frac{1}{\pi x}$ **C.** $y' = \frac{\pi}{x.\ln\pi}$ **D.** $y' = \frac{1}{\ln\pi}$

Câu 14: Đồ thị sau là của hàm số nào dưới đây?

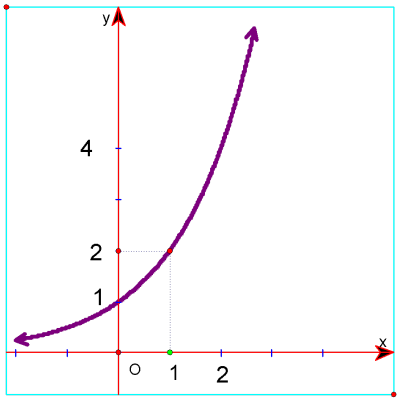

A. $y = 2^x$ **B.** $y = \log_2 x$ **C.** $y = 4^x$ **D.** $y = \ln x$

Câu 15: Phương trình $\log_2(x-3) = 3$ có nghiệm là:

A. $x = 8$ **B.** $x = 11$ **C.** $x = 9$ **D.** $x = 5$

Câu 16: Rút gọn biểu thức $A = \left(\frac{1}{16}\right)^{-0,75} + \left(\frac{1}{8}\right)^{-\frac{4}{3}}$ được kết quả là:

A. $A = 12$ **B.** $A = 18$ **C.** $A = 22$ **D.** $A = 24$

Câu 17: Hàm số $y = (\sin 3x)^5$ có đạo hàm là:

A. $y' = 5\cos 3x(\sin 3x)^4$ **B.** $y' = 3\cos 3x(\sin 3x)^4$

C. $y' = 15\cos 3x(\sin 3x)^4$ **D.** $y' = \cos 3x(\sin 3x)^4$

Câu 18: Tính giá trị của biểu thức $P = \left(\pi^3\right)^{\log_\pi 2}$ ta được:

A. $P = 2$ **B.** $P = 4$ **C.** $P = 8$ **D.** $P = 6$

Câu 19: Cho a, b là hai số thực dương. Rút gọn biểu thức $A = \dfrac{\left(\sqrt[3]{a^3.b^2}\right)^6}{\sqrt{\sqrt[4]{a^{16}.b^8}}}$ ta được:

A. $A = a\ b^3$ **B.** $A = a^2b$ **C.** $A = ab^2$ **D.** $A = a^4b^3$

Câu 20: Cho x_1, x_2 là hai nghiệm của phương trình $7^x.e^{x^2} = 1$. Khi đó tổng $|x_1| + |x_2|$ có giá trị là:

A. e **B.** $-\ln 7$ **C.** 2 **D.** $\ln 7$

Câu 21: Phương trình $3.2^x - 4^{x-1} - 8 = 0$ có 2 nghiệm x_1, x_2. Khi đó $|x_1 - x_2|$ bằng:

A. 2 **B.** 1 **C.** 3 **D.** 4

Câu 22: Nghiệm bất phương trình $4^x > 8$ là:

A. $x < 2$ **B.** $x \geq \frac{3}{2}$ **C.** $x > 3$ **D.** $x > \frac{3}{2}$

Câu 23: Tìm m để phương trình: $\lg(x^2 + mx) = \lg(x + m - 1)$ có nghiệm duy nhất.

A. $m < 1$ **B.** $m > 1$ **C.** $m \leq 1$ **D.** $m \geq 1$

Câu 24: Tập xác định của hàm số $y = \ln x(1-x)$ là:

A. $(-\infty; 0)$ **B.** $(0; 1)$ **C.** $[0; 1]$ **D.** $(-\infty; 0] \cup [1; +\infty)$

Câu 25: Tổng các nghiệm của phương trình : $25^x - 6.5^x + 5 = 0$ là:

A. 1 **B.** 2 **C.** 6 **D.** 3

---------- HẾT ----------

https://toanmath.com/